

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 02/2019/DS-ST
Ngày 19-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Ông Hoàng Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hà Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức S.
Cùng trú tại: Số 37, khối phố M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Đồng bị đơn:* Bà Hà Thị O và anh Dương Tuấn A.
Cùng trú tại: Số 62, tiểu khu T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Hoàng Thị B (tức B). Có mặt.
Địa chỉ: Số 58, tiểu khu T, thị trấn Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức S trình bày:

Ngày 22/11/2016 vợ chồng ông S, bà T có cho mẹ con bà Hà Thị O và anh Dương Tuấn A vay với tổng số tiền là 600.000.000 đồng; giữa hai bên có làm giấy vay tiền và có chữ ký của các bên. Trong giấy vay tiền các bên có thỏa thuận với nhau là đến ngày 22/5/2017 bà O và anh Tuấn A sẽ trả cho ông S và

bà T số tiền nói trên. Đến nay bà O và anh Tuấn A mới thanh toán trả cho ông S và bà T được 158.000.000 đồng tiền lãi.

Bà T và ông S đề nghị Tòa án buộc bà O và anh Tuấn A phải trả cho ông, bà một lần đối với số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất vay ngân hàng từ ngày 22/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử sở thẩm.

Bị đơn bà O và anh Tuấn A trình bày:

Ngày 22/11/2016, bà O có được làm giấy nhận nợ với vợ chồng bà T ông S tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Lý do là do hai bên cùng nhau đi làm ăn, và bà O bị người khác lừa, bà O cũng thừa nhận nợ ông S bà T số tiền trên. Bà O đề nghị được trả dần, trả hết gốc rồi trả lãi sau. Tính đến ngày 04/2/2019 bà O đã trả cho vợ chồng ông S bà T được 208.000.000 đồng.

Anh Tuấn A thừa nhận được ký vào giấy nhận nợ giữa mẹ anh là bà O và ông S bà T. Thực tế việc làm ăn buôn bán giữa mẹ anh là bà O với vợ chồng ông S và bà T thế nào anh không biết.

Nay Bà O và anh Tuấn A cũng đồng ý trả nợ cho bà T và ông S số tiền trên. Với điều kiện là mỗi tháng trả 10.000.000 đồng; trả hết nợ gốc trước sau đó trả lãi sau.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của các bên; tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại buổi hòa giải các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức S yêu cầu bà O và anh Tuấn A phải trả số tiền là 600.000.000 đồng và lãi suất tính theo lãi suất vay ngân hàng từ ngày vay 22/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử sở thẩm vụ án. Hội đồng xét xử nhận định, giữa ông, bà S T và bà O có làm ăn buôn bán với nhau, sau đó đến ngày 22/11/2016 giữa các bên có làm giấy vay tiền; thực chất đây là giấy nhận nợ giữa các bên. Trong giấy nhận nợ này có chữ ký của bà Hà Thị O là người vay và anh Dương Tuấn A là người thừa kế. Việc các bên xác nhận nợ với nhau là sự thỏa thuận, tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, như vậy giấy vay tiền giữa các bên là giao dịch hợp pháp, đúng quy định của pháp luật dân sự.

[3] Đồng nguyên đơn ông S và bà T khởi kiện bà O và anh Tuấn A, trên thực tế chỉ có bà O là người làm ăn buôn bán cùng với ông S và bà T, anh Tuấn A hoàn toàn không biết về việc làm ăn buôn bán và các bên nợ nhau thế nào. Anh Tuấn A chỉ là người ký vào giấy vay tiền với vai trò là người thừa kế nghĩa

vụ; vì vậy không xác định anh Tuấn A là bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho ông S và bà T, mà chỉ xác định anh Tuấn A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong vụ án này xác định bà O là người có trách nhiệm phải trả nợ cho ông S và Tuyết theo giấy vay tiền ngày 22/11/2016.

[4] Tại phiên tòa hôm nay bà O có cung cấp thêm giấy trả nợ 50.000.000 đồng và bên nguyên đơn bà O ông S cũng thừa nhận. Như vậy các bên đã thừa nhận trả cho nhau được 208.000.000 đồng, để trừ vào số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận giữa các bên. Trong giấy vay tiền ngày 22/11/2016 các bên không thỏa thuận về lãi suất; tại buổi hòa giải ngày 21/5/2019 giữa ông S, bà T với bà O đã thống nhất thỏa thuận về số nợ gốc là 600.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất ngân hàng từ thời điểm vay ngày 22/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm; sau đó trừ đi số tiền đã trả là 208.000.000 đồng. Giữa các bên không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ; bà O đề nghị được trả mỗi tháng 10.000.000 đồng trả cho đến khi hết số tiền gốc thì tiếp tục trả lãi; ông S và bà T yêu cầu bà O phải trả một lần hết số tiền nói trên.

[5] Theo thỏa thuận của các đương sự về việc tính lãi đối với số tiền vay; ngày 29/5/2019 Tòa án nhân dân huyện B đã có công văn số 15/TA về việc đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lạng Sơn tính lãi suất đối với số tiền 600.000.000 đồng từ ngày 22/11/2016 đến ngày 19/6/2019 là ngày xét xử sơ thẩm. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lạng Sơn có công văn số 495/LAS-TH,NS&KSNB ngày 07/6/2019 tính lãi đối với số tiền 600.000.000 đồng theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố; số tiền lãi là 138.920.548 đồng.

[6] Từ những phân tích đánh giá trên; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và bà T, buộc bà O phải trả cho ông S và bà T số tiền là: $(600.000.000 \text{ đồng} + 138.920.548 \text{ đồng}) - 208.000.000 \text{ đồng} = 530.920.548 \text{ đồng}$.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Yêu cầu đòi tiền của ông S và bà T đối với bà O và anh Tuấn A được tòa án chấp nhận; vì ông S và Tuyết không phải chịu án phí và được trả lại 15.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Hà Thị O phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền vay nợ 600.000.000 đồng.

[8] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện B về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định khi được Tòa án triệu tập. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền nợ, số tiền đã trả và cách tính lãi. Buộc bà O phải trả cho ông S và Tuyết số tiền còn lại theo quy định. Bà O phải chịu án phí theo quy định.

[9] Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 14 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463; Điều 464; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức S.

- Buộc bà Hà Thị O phải trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức S số tiền 530.920.548 đồng (năm trăm ba mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà Hà Thị O phải chịu 28.000.000 đồng (hai tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức S 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0000152 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Đức